TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HS-ST
Ngày: 28-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

C*ác Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Công Nghiệp

2. Bà Lầu Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Tiến Khôi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27, 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điên Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Giàng Gà D, sinh ngày 02/7/1979 tại huyện M, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Bản H, xã V, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Giàng Vảng C, đã chết và bà Lý Thị M1, đã chết; Bị cáo có vợ là Tráng Thị Ph và 04 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/9/2023 đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà Lê Thị Thúy An, sinh năm 1988, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự*: Ủy ban nhân dân xã V, huyện Nậm Pồ; Người đại diện theo pháp luật: Ông P, chức vụ: Chủ tịch UBND xã V, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Cộng đồng dân cư bản V, xã V, huyện N, tỉnh Điện Biên; Người đại diện theo pháp luật: Ông Chảo A C, sinh năm 1995; địa chỉ: bản V, xã V, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

Ông Lý Trần P, sinh năm 1976; địa chỉ: Bản V, xã V, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

Ông Lầu A Ch, Kiểm lâm viên, Hạt kiểm lâm huyện N, phụ trách xã V, huyện N, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Giàng A C, sinh năm 1987; địa chỉ: Bản H, xã V, huyện N, tỉnh Điện Biên (hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N), có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Mông*: Bà Vàng Thị D1 sinh năm 1988; địa chỉ: Bản Nà Hỳ 3, xã Nà Hỳ, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có đất canh tác nên vào khoảng tháng 3/2023 (bị cáo không nhớ rõ ngày), bị cáo Giàng Gà D cùng với Giàng A C đến nhà Lý Trần P ở bản V, xã V, huyện N hỏi mượn đất canh tác. Lý Trần P đồng ý cho mượn không lợi nhuận, đồng thời đã dẫn C và bị cáo D đến khu vực đám nương cũ của P, rồi chỉ ranh giới, vị trí cho D và C biết. Khi chỉ vị trí đất, P dặn C và bị cáo D là trước khi đi phát nương phải xin phép chính quyền địa phương vì nương bỏ hoang đã lâu. Tuy nhiên, bị cáo D không xin phép cơ quan có thẩm quyền, đã một mình sử dụng 01 con dao quắm chặt phá toàn bộ độ che phủ của nhiều loại cây khác nhau tại khu vực rừng tự nhiên thuộc bản V, xã V, huyện N liên tục trong khoảng 07 ngày. Sau đó, D dừng lại, sang tháng 4/2023 thì D sử dụng bật lửa đốt cháy toàn bộ cây cối trên diện tích đất rừng đã chặt phá. Đến ngày 10/5/2023, trong quá trình tuần tra tại khu vực rừng thuộc bản V, xã V, huyện N, tổ công tác của Ủy ban nhân dân xã V và Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã đã phát hiện đám rừng bị chặt phá có diện tích lớn đã Quyết định số 06/QĐ-UBND, ngày 10/5/2023 về việc đình chỉ hành vi phá rừng trái pháp luật và báo cáo Hạt kiểm lâm huyện N.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 30/6/2023 (có bản ảnh và thống kê kèm theo) đã xác định: Tổng diện tích rừng bị Giàng Gà D chặt phá là 9.568,1 m^2 (chín nghìn năm trăm sáu mươi tám phẩy một mét vuông), mức độ thiệt hại 100%. Các cây gỗ bị chặt phá có đường kính, kích thước chiều dài khác nhau từ nhóm VI đến nhóm VIII chủ yếu là Ba soi, có chiều cao vút ngọn trung bình là 9,01 m, đường kính trung bình là 10,956 cm. Tổng khối lượng gỗ tròn bị chặt phá là 13,558 m^3, khối lượng củi tận thu là 16,744 m^3.

Tại kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐGTS, ngày 15/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, xác định giá trị thiệt hại về lâm sản là 22.848.600 đồng, doanh thu từ dịch vụ bảo vệ môi trường rừng là 929.383 đồng, tổng giá trị thiệt hại do Giàng Gà D gây ra là 23.777.983 đồng.

Tại Kết luận Giám định số 57/KL-GĐ, ngày 30/8/2023 của Giám định viên tư pháp thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên, đã xác định: Vị trí diện tích 9.568,1 m^2 có cây gỗ tự nhiên bị chặt phá thuộc tiểu khu 533, khoảnh 1, lô 3 là rừng sản xuất, trạng thái Rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK), thuộc bản V, xã V, huyện N, tỉnh Điện Biên theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về phê duyệt dự án, Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Diện tích rừng này đã được giao cho Cộng đồng dân cư bản V,

xã V quản lý, bảo vệ theo Quyết định số 1869/QĐ-UBND, ngày 24/8/2016 và được điều chỉnh theo Quyết định số 2793/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Tại bản Cáo trạng số 70/CT-VKSNP ngày 26/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Giàng Gà D về tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo. Quá trình điều tra, bị cáo Giàng Gà D đã giao nộp vật chứng là 01 con dao quắm dài 105 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 37 cm, cán dao bằng gỗ dài 68 cm, đường kính cán dao 03 cm. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo D thay đổi lời khai về việc khi bị cáo và Giàng A C đến nhà Lý Trần P mượn đất làm nương, P có yêu cầu bị cáo phải trả cho Pú 02 bao thóc sau khi thu hoạch lúa.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự là UBND xã V có ý kiến: Hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo là rõ ràng, gây thiệt hại cho Nhà nước nên yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lý Trần P và người làm chứng Giàng A C khai: Vào tháng 3/2023, Giàng A C và bị cáo D cùng đến nhà ông Lý Trần P hỏi mượn đất làm 01 vụ lúa nương, ông P không yêu cầu lợi nhuận gì. Ông P đã chỉ ranh giới đất cho C và bị cáo D biết, đồng thời dặn bị cáo D và C là phải đi xin phép chính quyền địa phương trước khi phát nương. Tuy nhiên, cả C và bị cáo D đều không xin phép chính quyền địa phương mà tự ý chia nhau diện tích rừng chặt phá. Sau khi D chặt phá rừng xong thì C mới đến chặt phá diện tích rừng mà gia đình C định làm nương. Việc bị cáo D và C chặt phá rừng khi nào thì ông P không biết.

Trong quá trình điều tra, đại diện của Cộng đồng dân cư bản V, xã V có ý kiến: Cộng đồng dân cư bản V được Ủy ban nhân dân huyện N giao đất, giao rừng theo Quyết định số 1869/QĐ-UBND, ngày 24/8/2016 và được điều chỉnh theo Quyết định số 2793/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022, trong đó có tiểu khu 533, khoảnh 1, lô 3 là rừng sản xuất. Hàng năm các hộ dân cư của bản V đều được tuyên truyền về công tác bảo vệ rừng và được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng.

Quá trình điều tra, ông Lầu A Ch có ý kiến: Ông Ch là Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã V, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Ch đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, tuy nhiên do người dân thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên đã có hành vi hủy hoại rừng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Giàng Gà D về tội Hủy hoại rừng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm dài 105 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 37 cm, cán dao bằng gỗ dài 68 cm, đường kính cán dao 03 cm. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều

586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước, cáo đã bồi thường được 12.000.000 đồng, còn phải bồi thường 11.777.983 đồng. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh, nhân thân và nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo; áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Giàng Gà D nhất trí với luận cứ của người bào chữa, không tranh luận gì, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Giàng Gà D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Vào khoảng tháng 3 năm 2023 (bị cáo không nhớ rõ ngày), bị cáo Giàng Gà D một mình sử dụng dao quắm phát trắng toàn bộ diện tích 9.568,1 m^2 rừng tự nhiên trong 07 ngày liên tục. Đến tháng 4/2023 Dê dùng bật lửa đốt cháy toàn bộ cây cối trên diện tích rừng đã chặt phá. Vị trí rừng bị chặt phá là tiểu khu 533, khoảnh 1, lô 3 là rừng sản xuất, trạng thái Rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK), thuộc bản V, xã V, huyện N, tỉnh Điện Biên, do cộng đồng dân cư bản V, xã V quản lý, bảo vệ theo Quyết định về việc giao đất, giao rừng số 1869/QĐ-UBND, ngày 24/8/2016 và Quyết định điều chỉnh thông tin số 2793/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên. Mục đích bị cáo chặt phá rừng là để lấy đất làm nương, gây thiệt hại về rừng là 23.777.983 (hai mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi ba đồng), mức độ thiệt hại 100%. Lời khai về hành vi hủy hoại rừng của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản làm việc, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Giàng Gà D phạm tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự quy định: *"1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...*

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m^2) đến dưới 10.000 mét vuông (m^2);…"

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến môi trường rừng, là nguyên nhân dẫn đến thiên tai và biến đổi khí hậu, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giữ vững kỷ cương của pháp luật và làm gương răn đe, giáo dục trong Nhân dân.

[3] Về nhân thân: Bị cáo Giàng Gà D là người dân tộc thiểu số, sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo không biết tiếng Việt, không biết chữ, không hiểu biết pháp luật, vì muốn có đất để canh tác nên đã chặt phá rừng. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội một phần là do bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế, một phần là do xuất phát từ tập quán canh tác lạc hậu của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, ngoài lần phạm tội này bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Trong quá trình điều tra, ngày 22/6/2023 bị cáo đã tự giác đến Ủy ban nhân dân xã V, huyện N tự thú, thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Mặc dù hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng tại giai đoạn điều tra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại về rừng với số tiền là 12.000.000 đồng cho Nhà nước. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Xét đề nghị xử phạt của Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Giàng Gà D từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Đã bồi thường được phần lớn thiệt hại cho Nhà nước, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tự giác tự thú với cơ quan chức năng. Mặt khác, bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số không biết tiếng Việt, không biết chữ, nhận thức pháp luật hạn chế. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt tù bị cáo dưới mức đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước nên không chấp nhận mức hình phạt tù của Viện kiểm sát. Đối với các đề nghị khác là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của người bào chữa: Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho bị cáo. Xét thấy, đề nghị của người bào chữa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm, với tổng chiều dài dài 105 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 37 cm, cán dao bằng gỗ dài 68 cm, đường kính cán dao 03 cm là công cụ chặt phá rừng.

Đối với các cây gỗ bị chặt phá, Hạt Kiểm lâm huyện N đã giao Ủy ban nhân dân xã V quản lý, do các cây gỗ đã bị đốt cháy, mục nát, không còn giá trị sử dụng, Viện kiểm sát không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 chiếc bật lửa, bị cáo sử dụng để đốt các cây gỗ, bị cáo khai do hết giá trị sử dụng nên đã vứt đi, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không thu giữ được, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[8] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cộng đồng dân cư bản V, xã V, người đại diện vắng mặt và ông Lầu A Ch vắng mặt có lý do, tại giai đoạn điều tra đã có lời khai, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn dân sự tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Tại phiên tòa, Lý Trần P khai nhận đã cho Giàng Gà D và Giàng A C mượn 01 đám nương cũ bỏ hoang thuộc bản V, xã V, huyện N vào tháng 3/2023. Do P không biết khu vực nương cũ của P hiện đã là rừng nên đã yêu cầu D và C là trước khi phát rừng phải xin phép chính quyền địa phương. Đối với lời khai của bị cáo Giàng Gà D tại phiên tòa về việc Pú yêu cầu D phải trả cho Pú 02 bao thóc sau khi D thu hoạch, P không thừa nhận. Mặt khác, người làm chứng Giàng A C cũng khẳng định không có sự việc Pú yêu cầu D phải trả cho Pú 02 bao thóc sau khi làm nương xong. Do đó, Viện kiểm sát không đề nghị xử lý đối với Lý Trần P, Hội đồng xét xử cũng không có cơ sở xem xét trách nhiệm.

[10] Đối với Giàng A C, quá trình điều tra và tại phiên tòa C khai nhận, vào tháng 3/2023 C và bị cáo D cùng đến nhà Lý Trần P mượn đất để làm nương, P không lấy lợi nhuận gì. Sau khi mượn xong, cả bị cáo D và C không xin phép cá nhân, cơ quan có thẩm quyền mà tự chia nhau diện tích rừng cần chặt phá, trong đó bị cáo D đi chặt phá trước, còn C đi chặt phá sau khoảng vài ngày. Xét thấy hành vi của bị cáo C là độc lập, Hạt Kiểm lâm huyện N đã khởi tố bị can Giàng A C bằng một vụ án khác, do đó Viện kiểm sát không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm trong vụ án này.

[11] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước số tiền 23.777.983 đồng, bị cáo đã đã bồi thường được 12.000.000 đồng, còn phải bồi thường 11.777.983 đồng.

[12] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[13] Về án phí: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa và bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo. Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xét thấy bị cáo là dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sống tại xã V, huyện N là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

[14] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Giàng Gà D phạm tội Hủy hoại rừng.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Giàng Gà D 03 (ba) năm tù, thời hạn tù kể từ ngày vào trại chấp hành án.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Giàng Gà D phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền 23.777.983 đồng, được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã tự nguyện bồi thường là 12.000.000 đồng, theo Biên lai thu tiền số 0001301, ngày 11/10/2023 (bồi thường 5.000.000 đồng) và Biên lai thu tiền số 0001303, ngày 23/10/2023 (bồi thường 7.000.000 đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Điện Biên, bị cáo còn phải bồi thường 11.777.983 đồng.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm, lưỡi dao bằng kim loại dài 37 cm, cán dao bằng gỗ dài 68 cm, đường kính cán dao 03 cm.

(Vật chứng được niêm phong như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26/10/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Giàng Gà D.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 28/11/2023; trường hợp vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT CA huyện N;
- Bộ phận HSNV CA huyện N;
- Cơ quan THAHS CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu HS: VA, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Sao